

Mẫu số 01/QTND

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIM PHƯỢNG

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH 2023

(Kèm theo công văn số 32/UBND-KT ngày 21/02/2024 của UBND xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước năm giảm trong năm quyết toán	Thành toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phân vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán		
					Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán							
						Tổng số						Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Tổng số			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Tổng số			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17= 18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12 +18	23=7-8-	24=6-8+11+17
	<b>TỔNG SỐ</b>			3.200.509.178	1.650.596.680										621.064.808	601.442.920	601.442.920			19.621.888	601.442.920		2.252.039.600
	<i>Vốn trong nước</i>			3.200.509.178	1.650.596.680										621.064.808	601.442.920	601.442.920			19.621.888	601.442.920		2.252.039.600
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) Các hoạt động kinh tế, lĩnh vực thủy lợi và dịch vụ thủy lợi ( 280-283)			79.337.390											27.300.000	27.300.000	27.300.000				27.300.000		27.300.000
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) Các hoạt động kinh tế, lĩnh vực Văn hóa thông tin ( 160-161)			501.310.781	453.879.500										23.558.000	23.558.000	23.558.000				23.558.000		477.437.500
3	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) Các hoạt động kinh tế, lĩnh vực giao thông đường bộ ( 280-292)			2.384.508.143	1.196.717.180										458.468.938	438.847.050	438.847.050			19.621.888	438.847.050		1.635.564.230
4	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) Quản lý nhà nước ( 340-341)			235.352.864											111.737.870	111.737.870	111.737.870				111.737.870		111.737.870
A.1	Các dự án thuộc kế hoạch năm 2023			3.200.509.178	1.650.596.680										621.064.808	601.442.920	601.442.920			19.621.888	601.442.920		2.252.039.600
I	Vốn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực:			3.200.509.178	1.650.596.680										621.064.808	601.442.920	601.442.920			19.621.888	601.442.920		2.252.039.600
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Thủy lợi (280-283)			79.337.390											27.300.000	27.300.000	27.300.000				27.300.000		27.300.000
	<i>Vốn trong nước</i>			79.337.390											27.300.000	27.300.000	27.300.000				27.300.000		27.300.000
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước năm điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thành toán khối lượng hoàn thành năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán		
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán				
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			(nếu có)	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành					Vốn tạm ứng	(nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17= 18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12 +18	23=7-8-	24=6-8+11+17
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước			79.337.390											27.300.000	27.300.000	27.300.000				27.300.000		27.300.000
	Dự án																						
	Nâng cấp kênh bê tông Nà Khên xóm 6 Kim Tân, xã Kim Phụng	KBNN nhà nước	8044950	79.337.390											27.300.000	27.300.000	27.300.000				27.300.000		27.300.000
	Vốn trong nước			79.337.390											27.300.000	27.300.000	27.300.000				27.300.000		27.300.000
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Văn hóa (160-161)			501.310.781	453.879.500										23.558.000	23.558.000	23.558.000				23.558.000		477.437.500
	Vốn trong nước			501.310.781	453.879.500										23.558.000	23.558.000	23.558.000				23.558.000		477.437.500
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước			501.310.781	453.879.500										23.558.000	23.558.000	23.558.000				23.558.000		477.437.500
	Nhà văn hóa xóm Kim Sơn, xã Kim Phụng	KBNN nhà nước	7933114	501.310.781	453.879.500										23.558.000	23.558.000	23.558.000				23.558.000		477.437.500
	Vốn trong nước			501.310.781	453.879.500										23.558.000	23.558.000	23.558.000				23.558.000		477.437.500
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
3	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Giao thông (280-292)			2.384.508.143	1.196.717.180										458.468.938	438.847.050	438.847.050			19.621.888	438.847.050		1.635.564.230
	Vốn trong nước			2.384.508.143	1.196.717.180										458.468.938	438.847.050	438.847.050			19.621.888	438.847.050		1.635.564.230
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	Dự án																						
	Đường liên gia các xóm xã Kim Phụng năm 2023	KBNN nhà nước	8067225	621.571.636											210.379.050	210.379.050	210.379.050				210.379.050		210.379.050
	Đường bê tông vào khu dân cư sản xuất xóm Bản Kết, xã Kim Phụng	KBNN nhà nước	8053645	230.260.267											105.000.000	86.520.000	86.520.000			18.480.000	86.520.000		86.520.000
	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ QL 3C lên SVĐ xóm Kim Sơn, xã Kim Phụng	KBNN nhà nước	7969567	244.132.999	190.541.760										41.965.000	41.965.000	41.965.000			0	41.965.000		232.506.760
	Nâng cấp, mở rộng đường liên xóm Kim Sơn xóm Đồng Đình, xã Kim Phụng	KBNN nhà nước	7969569	788.520.241	730.442.620										20.500.000	20.500.000	20.500.000				20.500.000		750.942.620

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thành toán khối lượng hoàn thành năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán		
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)			Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng				(nếu có)	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành					Vốn tạm ứng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17= 18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12 +18	23=7-8-	24=6-8+11+17
	Đường nội đồng Nà Pên xóm 2 Kim Tân (giai đoạn 2), Kim Phụng	KBNN nhà nước	7873460	326.752.000	275.732.800										40.139.000	40.139.000	40.139.000				40.139.000		315.871.800
	Xử lý sạt lở tuyến đường giao thông Kim Tiên, Bản Kết	KBNN nhà nước	8020246	173.271.000											40.485.888	39.344.000	39.344.000			1.141.888	39.344.000		39.344.000
	<b>Vốn trong nước</b>			2.384.508.143	1.196.717.180										458.468.938	438.847.050	438.847.050			19.621.888	438.847.050		1.635.564.230
	<b>Vốn nước ngoài, trong đó:</b>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
4	<b>Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực): Quản lý nhà nước (340-341)</b>			235.352.864											111.737.870	111.737.870	111.737.870				111.737.870		111.737.870
	<b>Vốn trong nước</b>			235.352.864											111.737.870	111.737.870	111.737.870				111.737.870		111.737.870
	<b>Vốn nước ngoài, trong đó:</b>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	Dự án: Nhà vệ sinh, nhà để xe UBND xã Kim Phụng	KBNN nhà nước	8052532	235.352.864											111.737.870	111.737.870	111.737.870				111.737.870		111.737.870
	<b>Vốn trong nước</b>			235.352.864											111.737.870	111.737.870	111.737.870				111.737.870		111.737.870
	<b>Vốn nước ngoài, trong đó:</b>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
II	<b>Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</b>			309.597.657											132.300.000	113.820.000	113.820.000			18.480.000	113.820.000		113.820.000
	<b>Vốn trong nước</b>			309.597.657											132.300.000	113.820.000	113.820.000			18.480.000	113.820.000		113.820.000
	<b>Vốn nước ngoài, trong đó:</b>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
1	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM ngân sách TW (00492)</b>			309.597.657											132.300.000	113.820.000	113.820.000			18.480.000	113.820.000		113.820.000
	Dự án																						
	Đường bê tông vào khu dân cư sản xuất xóm Bản Kết, xã Kim Phụng	KBNN nhà nước	8053645	230.260.267											105.000.000	86.520.000	86.520.000			18.480.000	86.520.000		86.520.000
	Nâng cấp kênh bê tông Nà Khén xóm 6 Kim Tân, xã Kim Phụng	KBNN nhà nước	8044950	79.337.390											27.300.000	27.300.000	27.300.000				27.300.000		27.300.000
	<b>Vốn trong nước</b>			309.597.657											132.300.000	113.820.000	113.820.000			18.480.000	113.820.000		113.820.000
	<b>Vốn nước ngoài, trong đó:</b>																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước năm điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thành toán khối lượng hoàn thành năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán			
					Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán							
						Tổng số						Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Tổng số			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17= 18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12 +18	23=7-8-	24=6-8+11+17
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2	Ngân sách tỉnh hỗ trợ mua xi măng (Mã Dự phòng 210) Dự án			621.571.636											210.379.050	210.379.050	210.379.050				210.379.050		210.379.050
	Đường liên gia các xóm xã Kim Phương năm 2023	KBNN nhà nước	8067225	621.571.636											210.379.050	210.379.050	210.379.050				210.379.050		210.379.050
	Vốn trong nước			621.571.636											210.379.050	210.379.050	210.379.050				210.379.050		210.379.050
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
3	Ngân sách huyện hỗ trợ xây dựng NTM Dự án																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
4	Vốn nhân dân đóng góp Dự án			1.359.405.240	1.196.717.180										126.162.000	126.162.000	126.162.000				126.162.000		1.776.758.680
	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ QL 3C lên SVD xóm Kim Sơn, xã Kim Phương	KBNN nhà nước	7969567	244.132.999	190.541.760										41.965.000	41.965.000	41.965.000				41.965.000		232.506.760
	Đường nội đồng Nà Pên xóm 2 Kim Tân (giai đoạn 2), Kim Phương	KBNN nhà nước	7873460	326.752.000	275.732.800										40.139.000	40.139.000	40.139.000				40.139.000		315.871.800
	Nâng cấp, mở rộng đường liên xóm Kim Sơn xóm Đồng Đình, xã Kim Phương	KBNN	7969569	788.520.241	730.442.620										20.500.000	20.500.000	20.500.000				20.500.000		750.942.620
	Nhà văn hóa xóm Kim Sơn, xã Kim Phương	KBNN nhà nước	7933114	501.310.781	453.879.500										23.558.000	23.558.000	23.558.000				23.558.000		477.437.500
	Vốn trong nước			1.359.405.240	1.196.717.180										126.162.000	126.162.000	126.162.000				126.162.000		1.776.758.680
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
5	Ngân sách xã Vốn trong nước			408.623.864											152.223.758	151.081.870	151.081.870			1.141.888	151.081.870		151.081.870
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thành toán khối lượng hoàn thành năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán			
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)			Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán		
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			(nếu có)	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành					Vốn tạm ứng	(nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17= 18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12 +18	23=7-8-	24=6-8+11+17
	Dự án: Nhà vệ sinh, nhà để xe UBND xã Kim Phượng	KBNN nhà nước	8052532	235.352.864											111.737.870	111.737.870	111.737.870				111.737.870		111.737.870
	Xử lý sạt lở tuyến đường giao thông Kim Tiên, Bản Kết	KBNN nhà nước	8020246	173.271.000											40.485.888	39.344.000	39.344.000			1.141.888	39.344.000		39.344.000
	Vốn trong nước			408.623.864											152.223.758	151.081.870	151.081.870			1.141.888	151.081.870		151.081.870
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
III	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																						
1	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)																						
	Dự án...																						
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)...																						
A 2	Các dự án không ghi kế hoạch năm 20... còn dư vốn tạm ứng chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm quyết toán:																						
I	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)...																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	Dự án																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)...																						
II	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																						

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán		
					Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)								
						Tổng số						Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Tổng số		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	(nếu có)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17= 18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12 +18	23=7-8-	24=6-8+11+17
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia..																						
	Dự án ..																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2	Chương trình mục tiêu quốc gia..																						

Định Hòa, ngày tháng 02 năm 2024

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN NƠI GIAO DỊCH  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Kim Phượng, ngày 21 tháng 02 năm 2024

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ  
CHỦ TỊCH

Trương Anh Tú